

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thanh Cầm

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ TIẾP CẬN TRỢ GIÚP XÃ HỘI  
CƠ BẢN CHO LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ  
(NGHIÊN CỨU TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 9760101.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hà Nội – 2024

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và  
Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Hiệp Thương, Tổng Liên đoàn  
Lao động Việt Nam

Phản biện: PGS.TS. Đặng Thị Hoa, Viện Tâm lý học, Viện  
Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phản biện: TS. Nguyễn Hải Hữu, Hiệp hội giáo dục nghề  
nghiệp và nghề Công tác xã hội Việt Nam

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia  
chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và  
Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Vào hồi 8 giờ 30, ngày 25 tháng 5 năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Di dân là một quy luật tự nhiên của quá trình phát triển dân số, là một hiện tượng kinh tế - xã hội khách quan, là biểu hiện rõ nét của sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, lãnh thổ có tác động lớn tới người dân, các gia đình và khả năng phát triển của mỗi địa phương, quốc gia.

Theo số liệu năm 2019 của Tổng cục thống kê, Việt Nam có 6,4 triệu người từ 5 tuổi trở lên là người di cư, chiếm 7,3% tổng dân số và phổ biến nhất vẫn là hình thức di cư từ nông thôn lên thành thị để tìm kiếm công việc, học tập hoặc cơ hội phát triển. Lao động nữ di cư (LĐNDC) vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số người di cư với 55,5% (Tổng cục Thống kê, 2019), là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức trong cuộc sống.

Đa số lao động nữ nông thôn di cư lên thành phố tìm việc đều có trình độ thấp nên phần lớn họ tham gia vào đội ngũ lao động tự do, giản đơn, phổ thông. Họ làm những công việc nặng nhọc với mức thu nhập thấp, kéo theo đó là điều kiện sống dưới mức tối thiểu trong các khu nhà trọ rẻ tiền với điều kiện sinh hoạt và an ninh không đảm bảo. Đời sống tinh thần của họ cũng rất hạn chế.

Hiện đã có một số chính sách để cải thiện đời sống, việc làm của những lao động này như ký kết hợp đồng lao động, đăng ký tạm trú, tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện... nhưng việc thực thi những chính sách này cũng còn nhiều bất cập.

Hà Nội là miền đất hứa của nhiều người di cư đến đây để học tập, làm việc, mưu cầu một cuộc sống tốt đẹp hơn. Bên cạnh những đóng góp to lớn, tích cực mà người di cư mang lại, Hà Nội cũng đang phải chịu áp lực lớn trong việc cung ứng các dịch vụ công, các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, y tế, vui chơi, giải trí... cho họ. Với cuộc sống đắt đỏ, giá nhà cao so với thu nhập cùng với các áp lực đối với hệ thống giáo dục, y tế thì đời sống của LĐNDC và gia đình gặp nhiều khó khăn, thách thức do vậy rất cần sự quan tâm, trợ

giúp đặc biệt để họ có thể hòa nhập với cuộc sống tại thủ đô. Do vậy, hỗ trợ LĐNDC tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản là giải pháp quan trọng đối với nhóm đặc thù này. Luận án tập trung nghiên cứu LĐNDC từ các địa phương tới sinh sống và làm việc tại huyện Đông Anh, với đặc thù của một vùng nông thôn ven đô của thành phố, nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất với nhiều cơ hội công việc trong khu vực chính thức và nhóm LĐNDC sinh sống và làm việc tại quận Hoàng Mai, một quận nội đô với nhiều cơ hội công việc tự do, phi chính thức. Nghiên cứu về trợ giúp cho lao động nữ di cư đã có khá nhiều, tuy nhiên nghiên cứu để đưa ra những giải pháp dưới góc độ của ngành công tác xã hội thì chưa có nhiều trong khi để có thể giúp đỡ nhóm này và thành viên gia đình họ rất cần đến vai trò cầu nối và cách tiếp cận của công tác xã hội (CTXH), thông qua vai trò chủ đạo của nhân viên CTXH và cán bộ cơ quan, đoàn thể tại cơ sở. Do vậy, nghiên cứu này tập trung nghiên cứu, phân tích thực trạng đời sống, các nhu cầu và việc đáp ứng trợ giúp xã hội dành cho LĐNDC tại Hà Nội để đưa ra các giải pháp dưới góc độ CTXH là cần thiết.

## **2. Ý nghĩa của nghiên cứu**

### **2.1. Ý nghĩa về mặt lý luận**

Nghiên cứu sẽ góp phần phân tích và làm rõ khả năng áp dụng các lý thuyết, khung phân tích vào phân tích, đánh giá hiệu quả thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với nhóm LĐNDC nói riêng và các nhóm xã hội khác nói chung. Với tư cách là một ngành khoa học mới ở Việt Nam, Luận án sẽ cung cấp tư liệu tham khảo thực tế về việc áp dụng các lý thuyết trong nghiên cứu CTXH.

Thêm vào đó, từ những kết quả nghiên cứu sẽ cho chúng ta cái nhìn khách quan và toàn diện về tính tất yếu của di cư, từ đó thay đổi cách tiếp cận cũng như các chính sách, hỗ trợ cụ thể đối với LĐNDC như một hiện tượng xã hội tất yếu.

Những rào cản, vấn đề khó khăn và nhu cầu của nhóm LĐNDC trong tiếp cận trợ giúp xã hội được mô tả, phân tích trong Luận án sẽ cung cấp tài liệu tham khảo phong phú cho chủ đề nghiên cứu về di cư, LĐNDC, trợ giúp xã hội cơ bản dành cho LĐNDC, phát triển chính sách xã hội. Ngoài ra, nghiên cứu cũng góp phần bổ sung những kiến thức thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu, thực hành cung cấp các trợ giúp xã hội, thực hành CTXH với nhóm LĐNDC.

## **2.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Thông qua nghiên cứu các bên liên quan, tác giả chỉ ra những đặc điểm chung về điều kiện sống, đặc điểm tâm lý cho tới những khó khăn, rào cản và nhu cầu của LĐNDC ở Hà Nội; khoảng cách và những khác biệt trong nhận thức về di cư, qua đó, đề xuất các giải pháp nâng cao tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản bao gồm cả thay đổi nhận thức về di cư, coi di cư như một hiện tượng xã hội tất yếu, từ đó có các chính sách tiếp cận phù hợp, thân thiện, đảm bảo quyền của người di cư nói chung và LĐNDC nói riêng.

Thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng trợ giúp xã hội dành cho nhóm LĐNDC tại thành phố Hà Nội dưới lăng kính đối chiếu với quy định pháp luật, so sánh với nhu cầu sẽ góp phần điều chỉnh và phát triển mới các chính sách, dịch vụ hỗ trợ LĐNDC trong thực tế. Đó là cách tiếp cận từ dưới lên của CTXH trong đảm bảo quyền của các nhóm xã hội khác nhau.

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội đã được thực hiện đối với nhóm LĐNDC. Từ đó, tác giả chỉ ra những rào cản ảnh hưởng tới thực hiện trợ giúp xã hội cơ bản dành cho nhóm LĐNDC tại thành phố Hà Nội. Thông qua kết quả nghiên cứu, hoạt động trợ giúp xã hội đối với nhóm LĐNDC nói riêng và trợ giúp xã hội đối với nhóm phụ nữ đặc thù nói chung có cơ sở thực tiễn để cải thiện. Các giải pháp nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội cơ bản đối với nhóm LĐNDC tại Hà Nội sẽ là cơ sở tham khảo quan trọng để cơ quan nhà nước xây dựng và thực hiện trợ giúp xã hội hiệu quả hơn

đối với LĐNDC tại Hà Nội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội cho phụ nữ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội bền vững.

### **3. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Giải pháp hỗ trợ tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản cho lao động nữ di cư.

#### **3.2 Khách thể nghiên cứu**

- Lao động nữ di cư từ các địa phương tới làm việc trong khu vực phi chính thức tại vùng thành thị (quận Hoàng Mai) và làm việc trong khu vực chính thức tại vùng nông thôn (huyện Đông Anh) của thành phố Hà Nội.

- Cán bộ chính quyền, hội phụ nữ các cấp tại thành phố Hà Nội

- Các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ người di cư trên địa bàn thành phố Hà Nội

#### **3.3 Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi thời gian: Từ tháng 1/2022 đến tháng 10/2022

- Phạm vi về không gian: Quận Hoàng Mai và huyện Đông Anh của thành phố Hà Nội.

- Giới hạn nội dung: Nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản như giáo dục, đào tạo nghề, nhà ở, nước sạch và trợ giúp khẩn cấp cho lao động nữ di cư.

### **4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **4.1 Mục đích nghiên cứu**

Luận án hướng đến phân tích thực trạng đời sống, khó khăn và rào cản của LĐNDC tại Hà Nội. Từ đó, so sánh nhu cầu của LĐNDC và khả năng đáp ứng của các trợ giúp xã hội cơ bản hiện có. Trên cơ sở những dữ liệu nghiên cứu thực tế, tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản đối với nhóm LĐNDC, góp phần đảm bảo thực hiện quyền an sinh xã hội của nhóm LĐNDC và sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của thành phố Hà Nội.

#### **4.2 Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được các mục đích nghiên cứu, Luận án có các nhiệm vụ sau:

- Tổng hợp những vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về thực hiện chính sách, dịch vụ trợ giúp xã hội đối với LĐNDC.

- Phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện trợ giúp xã hội cơ bản đối với nhóm LĐNDC tại thành phố Hà Nội.

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị chính sách để đảm bảo thực hiện tốt trợ giúp xã hội cơ bản đối với LĐNDC tại thành phố Hà Nội.

## **5. Câu hỏi nghiên cứu**

Câu hỏi thứ nhất: Thực trạng tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC tại thành phố Hà Nội hiện nay như thế nào?

Câu hỏi thứ hai: Rào cản tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản hiện nay của LĐNDC tại thành phố Hà Nội là gì?

Câu hỏi thứ 3: Có sự khác biệt lớn nào giữa hai nhóm LĐNDC làm việc tại khu vực chính thức và phi chính thức?

Câu hỏi thứ 4: Công tác xã hội có vai trò như thế nào trong hỗ trợ tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản cho LĐNDC tại thành phố Hà Nội?

## **6. Giả thuyết nghiên cứu**

Giả thuyết nghiên cứu 1: Tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC còn gặp nhiều hạn chế.

Giả thuyết nghiên cứu 2: Trong số nhiều rào cản thì thái độ và nhận thức của một số cán bộ chính quyền, đoàn thể đối với người di cư tạo ra rào cản tiếp cận trợ giúp xã hội đối với LĐNDC tại Hà Nội.

Giả thuyết nghiên cứu 3: LĐNDC làm việc trong khu vực phi chính thức sẽ chịu nhiều rào cản hơn trong tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản.

Giả thuyết nghiên cứu 4: Công tác xã hội có vai trò quan trọng trong hỗ trợ lao động nữ di cư tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản.

## **7. Bố cục của Luận án**

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu

Chương 3. Thực trạng đời sống và tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC tại Hà Nội

Chương 4. Rào cản và các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản đối với lao động nữ di cư tại Hà Nội.

## **NỘI DUNG CHÍNH**

### **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

Di cư là một vấn đề mang tính toàn cầu và thu hút được sự quan tâm của nhiều ngành khoa học như Lịch sử, Địa lý nhân văn, Kinh tế, Xã hội học... Với tư cách là hiện tượng đi cùng sự phát triển của xã hội loài người, nghiên cứu về di cư cũng có những sự biến thiên, đa dạng theo từng thời kỳ lịch sử hay từng vùng lãnh thổ (Nguyễn Văn Chính 2021). Điểm chung của nhiều tổ chức, học giả trong nghiên cứu về di cư tập trung vào nguyên nhân/động lực của di cư, các hệ quả của di cư và các chương trình trợ giúp người dân di cư. Vấn đề giới và lao động nữ di cư cũng được mô tả, khắc họa đa chiều cạnh với nhiều cách tiếp cận khác nhau.

#### ***1.1. Nguyên nhân/động lực của di cư***

Có thể chia di cư thành nhiều loại hình nhỏ khác nhau, trong đó hai nhánh lớn nhất là di cư quốc tế (từ quốc gia này đến quốc gia khác) và di cư nội địa (trong nội bộ một quốc gia). IOM (2020) và nhiều nghiên cứu khác chỉ ra, phân tích sâu sắc 6 động lực chính của di cư quốc tế như lao động, gia đình, sự phát triển không đồng đều và bình đẳng giữa các quốc gia, giáo dục, xung đột vũ trang và quyền con người, biến đổi khí hậu và môi trường. Các yếu tố này có sự tác động đa dạng. Ngoài ra, sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là qua cách thức chia sẻ thông tin cũng đã trở thành động lực của di cư.

#### ***1.2. Các tác động kinh tế, xã hội của di cư***

Nghiên cứu về tác động của di cư đối với các nơi xuất cư và nơi nhập cư cũng được nhiều tổ chức quốc tế, các nhà nghiên cứu chú ý. Đối với di cư quốc tế, tác động đến quốc gia xuất cư và quốc gia nhập cư, dù khác nhau ở nhiều cấp độ nhưng cũng chia sẻ nhiều vấn đề với di cư nội địa, đặc biệt là di cư từ nông thôn ra đô thị.

Tác động tích cực ở cấp độ vĩ mô của di cư khi là động lực phát triển kinh tế, tăng năng suất lao động ở cả nơi nhập cư và xuất cư. Đối với nơi xuất cư, lượng tiền gửi về góp phần cải thiện chất



lượng y tế, giáo dục, dịch vụ. Tuy nhiên, di cư cũng gây ra một số vấn đề tiêu cực cần nhận biết, quản lý như sức ép hạ tầng và bất ổn xã hội tại nơi nhập cư, các vấn đề tâm lý, xã hội của trẻ em ở lại nơi xuất cư. Những điều này cũng ảnh hưởng đến tâm lý, xã hội hay các đặc thù kinh tế của nhóm người di cư. Tóm lại, với tác động tích cực của di cư, thay vì ngăn cản thì cần quản lý theo hướng nâng cao chất lượng hỗ trợ di cư. Bên cạnh hỗ trợ người di cư tại nơi cư trú mới, còn cần phát triển các dịch vụ xã hội thiết yếu để người di cư có thể đem theo gia đình, con cái, để tránh các hệ quả tiêu cực hiện có.

### ***1.3. Hòa nhập và trợ giúp xã hội đối với người di cư***

Hòa nhập xã hội của người di cư là một vấn đề lớn được nhiều tổ chức, nhà nghiên cứu quan tâm, trong đó nhấn mạnh đến những rủi ro, thiệt thòi mà người di cư có thể đối mặt tại nơi đến và thậm chí cả nơi đi, sau thời gian di cư trở về.

Về tổng thể, di cư đem đến lợi ích nhiều về kinh tế, xã hội đối với cả nơi xuất cư và nhập cư, đối với cả di cư quốc tế hay di cư nội địa. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề liên quan đến di cư có thể là những vấn đề xã hội ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ hay địa phương. Đầu tiên là những rào cản và rủi ro của người di cư tại nơi họ đến, những vấn đề tâm lý, xã hội mà họ gặp phải cũng như những vấn đề tại quê nhà, với những người ở lại, đặc biệt là những nhóm dễ tổn thương như trẻ em hay người cao tuổi. Hòa nhập xã hội của người di cư được nhiều tổ chức, nhà nghiên cứu quan tâm, trong đó nhấn mạnh đến những rủi ro, thiệt thòi mà người di cư có thể đối mặt tại nơi đến và thậm chí cả ở quê hương sau thời gian di cư trở về.

Thực hiện các trợ giúp xã hội, nâng cao khả năng tiếp cận các trợ giúp xã hội để đảm bảo an sinh xã hội cho người di cư là một chính sách và hành động có tính toàn cầu. Việc thực hiện các trợ giúp này, bên cạnh vai trò của nhà nước, còn có vai trò của các đối tác xã hội khác như các đoàn thể, tổ chức phi chính phủ. Cộng đồng, mạng lưới xã hội xung quanh người di cư đóng vai trò quan trọng trong cung cấp nguồn lực và các trợ giúp cụ thể cho họ. Một nghiên cứu

tiếp cận trợ giúp xã hội toàn diện từ các dịch vụ, hoạt động hỗ trợ đến các chủ thể của hỗ trợ là đóng góp của nghiên cứu này.

#### ***1.4. Vai trò của công tác xã hội trong hỗ trợ lao động di cư***

LĐNDC luôn là trọng tâm chính sách của nhiều quốc gia. Việc bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ di cư được tập trung vào nhiều khía cạnh khác nhau, từ lao động, việc làm; đời sống gia đình đến tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thông qua chức năng công tác xã hội và vai trò nhân viên công tác xã hội tại các nước. Nhiều mô hình hỗ trợ đã được triển khai ở các quốc gia khác nhau như mô hình tiếp cận dịch vụ chăm sóc nhập cư cho trẻ em nhập cư không có người đi kèm ở Tây Ban Nha; giáo dục cho trẻ em nhập cư không có người đi kèm ở Ireland; hỗ trợ các bà mẹ đơn thân ở Đức; các khóa đào tạo nghề ở Áo; chia sẻ căn hộ giữa những người trẻ ở Bỉ (ESN 2018).

Khi dịch bệnh hay các khủng hoảng xảy ra, người dân di cư nói chung và lao động di cư nói riêng cũng là nhóm chịu ảnh hưởng nhiều hơn do tính dễ tổn thương cao hơn. COVID-19 là một ví dụ điển hình. Tại Việt Nam, khi có các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong đại dịch, nhóm người di cư dù gặp nhiều khó khăn nhưng lại bị hạn chế trong tiếp cận nguồn lực và hỗ trợ do các rào cản liên quan đến giấy tờ và thủ tục (ILO 2020; Light 2021). Một trong những lý do là thiếu vắng vai trò kết nối của nhân viên công tác xã hội, cán bộ các đoàn thể xã hội tại địa phương do vậy LĐNDC không tiếp cận được sự hỗ trợ.

#### ***1.5. Vấn đề giới trong di cư***

Nữ hóa di cư/feminization of migration đã được Liên hợp quốc đề cập, thậm chí trong thuật ngữ liên quan đến di cư cho thấy tầm ảnh hưởng của vấn đề. Một thực tế diễn ra là số lượng lao động nữ di cư trên toàn cầu (chiếm tổng số 49% những người di cư) không gia tăng nhiều nhưng vai trò của lao động nữ di cư thì tăng lên. Phụ nữ ngày nay có xu hướng di cư độc lập hơn các thành viên trong gia đình và họ tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động. Điều này dẫn đến những hình thức di cư dễ tổn thương liên quan đến yếu tố giới, bao gồm thương mại hóa trong di cư của những người chăm sóc và giúp việc gia đình, di cư liên quan đến

buôn bán phụ nữ cho ngành công nghiệp tình dục, di cư vì mục đích kết hôn. Khi các hoạt động này không được kiểm soát tốt, phụ nữ có xu hướng bị bóc lột cao hơn (IOM 2011).

Ở Việt Nam, tỷ lệ nữ giới di cư cũng chiếm tỷ lệ cao hơn. Tổng cục thống kê (2020) cho thấy nữ giới vẫn chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới trong tổng dân số di cư. Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019, trong tổng dân số di cư, nữ giới chiếm 55,5% và nam giới chiếm 44,5%.

Vấn đề giới trong di cư không chỉ nằm ở số lượng mà còn ở cả những vấn đề khó khăn đặc thù, những đặc thù trong hòa nhập xã hội hay tiếp cận các dịch vụ xã hội, trợ giúp xã hội. IOM (2020) đưa ra các bằng chứng cho thấy các lao động di cư là nữ cho biết họ cảm thấy không an toàn trên đường đi làm trong khi họ ở rất xa nơi làm việc, nhiều lao động nữ phản ánh về các trường hợp bị quấy rối tình dục hoặc lo sợ về môi trường sống và làm việc. Lao động nữ khi về nước cũng đối mặt với nguy cơ bị cộng đồng kỳ thị do sự vắng mặt lâu ở gia đình.

UN Women (2020) trong “Leaving no one behind: Access to social protection for all migrant women” cho thấy những rào cản mà phụ nữ phải đối mặt trong tiếp cận trợ giúp xã hội nói riêng và an sinh xã hội nói chung. Các khuyến nghị về trách nhiệm của nhà nước trong cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thai sản, các hỗ trợ thiết yếu dành cho các nạn nhân của bạo lực. Những giải pháp về khuôn khổ pháp lý, các chính sách và dịch vụ hỗ trợ cần được thiết kế đáp ứng nhu cầu của phụ nữ nhập cư và tách biệt việc cung cấp dịch vụ với hoạt động thực thi khác liên quan đến nhập cư.

Lồng ghép giới là giải pháp cần đặt ra với chính phủ trong xây dựng khuôn khổ pháp lý, chính sách và dịch vụ hỗ trợ LĐNDC. Viện nghiên cứu Kinh tế Trung ương (2021) tập trung vào vấn đề giới trong nghiên cứu di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam đã tổng hợp những cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về vai trò của di cư trong nước với tái cơ cấu kinh tế dưới góc độ giới; phân tích thực trạng di cư trong nước và tái cơ cấu kinh tế ở Việt Nam; vấn

đề lao động, việc làm, thu nhập của người di cư dưới góc độ giới, từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách để lồng ghép giới trong tái cơ cấu kinh tế, đảm bảo quyền của LĐNDC.

Như vậy, trong các vấn đề liên quan đến di cư từ động lực đến rào cản, khó khăn, dịch vụ hỗ trợ đều có những đặc thù riêng đối với phụ nữ. Do đó, lồng ghép giới là một cách thức quan trọng trong chính sách để hỗ trợ người di cư, trong đó có lao động nữ di cư.

## **CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN , THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Các khái niệm công cụ**

7 khái niệm công cụ được thao tác nội dung và cách thức sử dụng trong luận án, từ di cư, phụ nữ di cư, trợ giúp xã hội, dịch vụ xã hội, công tác xã hội...

### **2.2. Các lý thuyết ứng dụng**

Đề tài sử dụng 04 lý thuyết: Lý thuyết về quyền con người, lý thuyết hệ thống, lý thuyết nhu cầu và lý thuyết vốn xã hội.

### **2.3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **2.3.1. Phân tích tài liệu**

Nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu từ các nghiên cứu quốc tế và trong nước, các tài liệu của Liên hợp quốc, Tổ chức di cư quốc tế (IOM), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và nhiều nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế để tìm hiểu bối cảnh di cư toàn cầu và trong nước, các lý thuyết và cách tiếp cận. Qua đó, tác giả xây dựng đề cương nghiên cứu, khung lý thuyết và thiết kế công cụ nghiên cứu.

#### **2.3.2. Thảo luận nhóm**

Nghiên cứu tiến hành 02 thảo luận nhóm lao động nữ di cư, 16 phụ nữ được chia thành 02 nhóm: Nhóm lao động nữ di cư làm công nhân (đại diện cho khu vực chính thức) và nhóm lao động nữ di cư làm trong khu vực phi chính thức. Những người tham gia nghiên cứu được giới thiệu bởi mạng lưới của Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội. Các thông tin về nghiên cứu và cam kết về bảo vệ thông tin được thông báo trước cho những người tham gia.

### **2.3.3. Phỏng vấn sâu**

- 12 phỏng vấn sâu với lao động nữ di cư. Danh sách lao động nữ di cư tham gia phỏng vấn được lập bởi Hội phụ nữ cơ sở.

- 10 cán bộ chính quyền và đoàn thể địa phương, với 04 cán bộ lao động xã hội, 04 cán bộ hội phụ nữ phường/xã, 02 cán bộ phụ nữ cấp huyện/quận. Danh sách các cán bộ được tìm kiếm từ địa bàn cư trú của những lao động nữ di cư được phỏng vấn sâu.

- 04 cán bộ các tổ chức phi chính phủ có liên quan đến trợ giúp lao động nữ di cư.

Các phỏng vấn sâu đều xin phép trước khi ghi âm; khi gỡ băng tuân thủ kiểm tra lại ngẫu nhiên để đảm bảo độ chính xác.

### **2.3.4. Khảo sát xã hội**

Đề tài sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện do đặc trưng khó tiếp cận của lao động nữ di cư, và ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 với tổng số mẫu khảo sát là 240 phụ nữ. Do trọng tâm của đề tài hướng đến hai nhóm cụ thể là lao động nữ di cư làm việc trong khu vực phi chính thức và lao động nữ di cư làm công nhân tại các khu công nghiệp nên mỗi nhóm sẽ tiến hành khảo sát 120 phụ nữ. Nhóm thứ nhất là lao động nữ di cư làm công việc tự do tại Quận Hoàng Mai; nhóm thứ hai là lao động nữ làm công nhân tại huyện Đông Anh. Các bảng hỏi được làm sạch và thống kê bằng phần mềm SPSS 22.

## **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG TIẾP CẬN TRỢ GIÚP XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ TẠI HÀ NỘI**

### **3.1. Đặc điểm nhân khẩu, kinh tế - xã hội của nhóm lao động nữ di cư tại Hà Nội**

#### ***3.1.1. Đặc điểm nhân khẩu và lý do di cư của nhóm lao động nữ di cư tại Hà Nội***

Để hiểu về thực trạng di cư của phụ nữ tại Hà Nội, cần xem xét và phân tích các nguyên nhân di cư. Thông qua kết quả khảo sát, ba lý do được lựa chọn nhiều nhất là kiếm tiền cho gia đình với 64,3%, sau đó là

thu nhập ở chỗ mới tốt hơn với 58,9% và kiếm tiền cho bản thân là 50,6%. Nhìn chung, lý do mà họ di cư xuất phát từ thu nhập là chủ yếu.

### **3.1.2. Đặc điểm về việc làm**

Kết quả khảo sát cho thấy độ tuổi trung bình của nhóm LĐNDC là 33 tuổi, đa số họ dưới 40 tuổi với tỷ lệ trên 75%, trong đó từ 20 đến 29 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 45%. Với độ tuổi này, việc làm là nhu cầu quan trọng nhất và đó cũng là động lực khiến họ di cư. Nơi họ ra đi là nông thôn, vốn không có nhiều cơ hội việc làm, đặc biệt là nhóm phụ nữ có trình độ học vấn thấp.

Những LĐNDC đến từ khu vực nông thôn là chủ yếu và hầu hết họ chưa được đào tạo kỹ năng nên khi tham gia thị trường lao động họ chỉ có thể làm những công việc giản đơn, tự do hoặc là công nhân không yêu cầu chuyên môn cao. Ngoài ra họ còn phải nhiều rủi ro về kinh tế khi những công việc đó đem lại cho họ mức thu nhập thấp so với mặt bằng chung và không được pháp luật bảo vệ nếu có vấn đề xảy ra.

### **3.1.3. Đặc điểm về kinh tế**

Đặc điểm về kinh tế của lao động nữ di cư được thể hiện qua các chủ đề về thu nhập – chi tiêu và tiết kiệm của họ.

Lao động nữ di cư có nguồn thu nhập không đa dạng, làm công nhân thì thu nhập đến từ lương là chủ yếu và lao động tự do thì từ hoạt động buôn bán. Đáng chú ý những người ở khu vực đô thị đang có mức thu nhập thấp hơn so với nông thôn và với cả nước. Tuy nhiên việc chi tiêu sinh hoạt cho cuộc sống hằng ngày đang là một khó khăn lớn đối với họ. Bên cạnh đó có nhiều lao động nữ di cư hiện không có tiền tiết kiệm, trong đó tập trung ở nhóm không có hợp đồng lao động và nhóm càng lớn tuổi càng tăng lên.

### **3.1.4. Trong bối cảnh COVID-19 (ứng phó với rủi ro)**

Đại dịch COVID-19 đã gây ra cuộc khủng hoảng trầm trọng, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của người dân, đặc biệt là nhóm LĐNDC. Họ phải đối diện với những khó khăn và rủi ro như mất việc làm, giảm hoặc mất thu nhập, sự gia tăng áp lực tinh thần, nơi ăn ở...

Đề ứng phó trước những tác động của COVID-19, biện pháp được LĐNDC lựa chọn nhiều nhất là cắt giảm chi tiêu (ăn uống, mua sắm...) với 95,3%. Các biện pháp còn lại đều không được lựa chọn quá 23%, có một bộ phận nhỏ lựa chọn chuyển về quê với 22,9%, sau đó là chuyển đổi nghề với 18,8%, chuyển đến chỗ trọ có mức phí thấp hơn với 16,4%. Dù đại dịch xảy ra nhưng vẫn có nhiều người mong muốn ở lại nơi đến thay vì chuyển về quê.

## **3.2. Thực trạng tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản của lao động nữ di cư tại Hà Nội**

### **3.2.1. Tiếp cận học nghề, việc làm**

Lao động nữ trước di cư được dạy nghề/đào tạo nghề chiếm tỷ lệ thấp. Những người sau di cư chỉ một phần nhỏ tham gia đào tạo trong đó có một bộ phận nhỏ đi học đại học, cao đẳng còn phần lớn họ được bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng liên quan tới công việc. Điều này sẽ tạo ra những hạn chế của LĐNDC trong tiếp cận, tìm kiếm việc làm cũng như phát triển bản thân trong thị trường lao động nhiều cạnh tranh hiện nay. Thời gian làm việc và lý do kinh tế là rào cản đối với LĐNDC trong việc tham gia hoạt động đào tạo tiếp theo.

### **3.2.2. Tiếp cận nhà ở, nước sạch**

Với đặc thù về giới và giới tính, hơn ai hết, lao động nữ di cư cần chỗ ở an toàn, bảo đảm về sinh hoạt hằng ngày. Hầu hết những lao động nữ di cư hiện nay sống trong những ngôi nhà trọ cấp 4 khép kín, họ phải sống trong không gian chật hẹp, nhưng chịu giá điện nước cao và phải chịu rủi ro là có thể mất chỗ ở bất cứ lúc nào mà không được ai bảo vệ do phần lớn không có hợp đồng thuê nhà và đa số đã được tiếp cận với nước sạch.

### **3.2.3. Tiếp cận giáo dục của con cái**

Phụ nữ di cư hiện nay trung bình (mean) có 1,86 con, số người có 2 con chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 59,6%. Trong đó số con từ 5-18 tuổi sống cùng họ hiện nay chiếm 51,9%, tức khoảng ½ và tất cả hiện nay đều đang được đi học. Đa phần con em LĐNDC học ở trường công lập, tới cấp phổ thông trung học thì gặp khó khăn khi tuyển sinh

vào trường công. Có em phải học trường dân lập với chi phí cao hơn, ảnh hưởng đến tổng thể an sinh xã hội của LĐNDP.

#### **3.2.4. Tiếp cận y tế**

Tình trạng sức khỏe của phụ nữ sau di cư có sự giảm sút so với trước, nhưng phần lớn họ không đi khám sức khỏe định kỳ. Trong các khoản chi tiêu hàng tháng, chi phí sức khỏe được xếp cuối cùng với điểm trung bình chỉ hơn 2/5. Điều này cho thấy còn những hạn chế trong tiếp cận y tế, chăm sóc sức khỏe của phụ nữ di cư.

#### **3.2.5. Trợ giúp đột xuất trong tình huống khẩn cấp**

Trợ giúp đột xuất là một cấu phần quan trọng trong trợ giúp xã hội, hướng đến các nhóm dân cư khó khăn trong những tình huống khẩn cấp, nhằm giảm nhẹ tác động đến cuộc sống của họ. COVID-19 là một trong những rủi ro lớn mà xã hội trải qua và LĐNDP càng trở nên dễ tổn thương bên cạnh những khó khăn họ vốn có. Kết quả chỉ ra, những hỗ trợ đột xuất như tiền, lương thực, thực phẩm nhận được nhiều nhất tuy nhiên tỷ lệ vẫn thấp. Hỗ trợ về y tế là quan trọng nhất vào thời điểm dịch nhưng chỉ một bộ phận nhỏ nhận được.

## **CHƯƠNG 4. RÀO CẢN TIẾP CẬN VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRỢ GIÚP XÃ HỘI CHO LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### **4.1. Rào cản tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản của lao động nữ di cư tại thành phố Hà Nội**

#### **4.1.1. Rào cản từ chính quyền**

Chính quyền giữ một vai trò quan trọng không thể thiếu đối với cuộc sống của lao động nữ di cư. Khu vực mà được chính quyền quan tâm hay nói cách khác là sự hỗ trợ của chính quyền ở các hoạt động như tiếp cận thông tin, giấy tờ cho con đi học, tạm trú hay các trợ giúp đột xuất... thì lao động nữ di cư sẽ nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống và giảm đi được những khó khăn trong cuộc sống. Một số cán bộ chính quyền đô thị chưa có sự nhìn nhận đúng đắn, quan tâm tích cực nhiều tới hỗ trợ lao động nữ di cư. Điều này vô hình



chung làm cho cuộc sống của lao động nữ di cư tới đây để tìm cơ hội mới càng trở nên khó khăn.

#### **4.1.2. Rào cản từ cộng đồng**

Các hỗ trợ hàng ngày hay trong đại dịch COVID-19 đến từ tổ dân phố và đoàn thể địa phương chiếm tỷ lệ không vượt quá 16%. Có thể thấy cấp cơ sở là tổ dân phố, đoàn thể địa phương là nơi nắm rõ thông tin nhất, gần lao động nữ di cư nhất nhưng không thể hiện được vai trò trợ giúp dù trong tình huống khẩn cấp như COVID-19. Trong bối cảnh bình thường, sự liên kết với cộng đồng sở tại của LĐNDC rất mờ nhạt, thậm chí nhóm di cư bị tách ra khỏi cộng đồng hoặc phải đón nhận những cái nhìn không tích cực, thiện cảm từ dân cư địa phương.

Nghiên cứu chỉ ra, thiếu một thiết chế có thể đưa các chính sách trợ giúp xã hội đến với người lao động di cư nói chung và LĐNDC nói riêng. Điều này làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận trợ giúp xã hội của LĐNDC, từ đó ảnh hưởng đến an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống của họ. Đồng thời, sự phát triển của công tác xã hội chuyên nghiệp có thể giúp LĐNDC có thêm công cụ, dịch vụ để đáp ứng các nhu cầu cấp thiết, phòng ngừa các rủi ro trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong các hoàn cảnh đặc biệt như dịch bệnh.

#### **4.1.3. Rào cản từ bản thân lao động nữ di cư**

Hầu hết LĐNDC có trình độ học vấn hạn chế, chưa được đào tạo nghề, cùng với tâm lý mặc cảm do không phải người địa phương khiến họ sống khép kín, co cụm, khiến cho vốn xã hội càng ít. Kết quả phỏng vấn cho thấy có tới 86% phụ nữ không tham gia vào đoàn thể xã hội nào tại địa phương; các hoạt động tập thể tại địa phương LĐNDC cũng ít tham gia vì nhiều lý do, trong đó có cả lý do về thời gian của các hoạt động chưa phù hợp với lịch trình công việc của họ.

#### **4.1.4. Sự thiếu vắng của hoạt động công tác xã hội**

Bên cạnh việc thiếu vắng các chính sách đặc thù thì còn thiếu một thiết chế phù hợp có thể đưa các chính sách trợ giúp xã hội đến với người lao động di cư nói chung và LĐNDC nói riêng. Điều này làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận trợ giúp xã hội của LĐNDC, từ

đó ảnh hưởng đến an sinh xã hội và chất lượng cuộc sống của họ. Điều này đòi hỏi sự phát triển các nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp cũng như các cán bộ đoàn thể đang thực hành công tác xã hội tại cơ sở có thể giúp LĐNDC có thêm thông tin về các chính sách, dịch vụ để đáp ứng các nhu cầu cấp thiết, phòng ngừa các rủi ro trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong các hoàn cảnh đặc biệt như dịch bệnh.

## **4.2. Giải pháp hỗ trợ lao động nữ di cư tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản tại thành phố Hà Nội**

### **4.2.1. Cơ sở đề ra giải pháp**

*4.2.1.1. Tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản để đảm bảo an sinh xã hội là quyền của lao động nữ di cư*

An sinh xã hội là quyền cơ bản của công dân, được Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nêu tại điều 34 và được cụ thể hóa qua các Luật, chính sách cụ thể, như: Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Việc làm năm 2013; Luật Nhà ở năm 2014, Luật Giáo dục... Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách như hỗ trợ nhà ở cho người thu nhập thấp; chính sách về bảo hiểm y tế (chăm sóc sức khỏe); chính sách về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp; chính sách về giáo dục - đào tạo...

Tóm lại, có rất nhiều quy định liên quan trực tiếp tới trợ giúp xã hội cơ bản cho người dân nói chung và người di cư nói riêng. Nhưng phải làm cách nào để LĐNDC “nắm bắt” được các chính sách và dịch vụ xã hội này là thông qua vai trò “cầu nối” của công tác xã hội.

### **4.2.1.2. Sự phát triển và vai trò của công tác xã hội trong trợ giúp lao động nữ di cư tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản**

Trợ giúp xã hội là một cấu phần quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội, không chỉ trợ giúp cho các nhóm người dân có nhu cầu mà còn tạo ra động lực phát triển xã hội thông qua tăng cường nguồn lực cho các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, nhằm đảm bảo công bằng, tạo sự ổn định và hướng đến sự phát triển bền vững.

Trong quá trình triển khai nghiên cứu, tác giả Luận án cũng tổ chức thảo luận nhóm giữa lao động di cư, đại diện chính quyền và Lãnh đạo Hội phụ nữ, đại diện tổ chức NGOs. Khi tổ chức trao đổi các bên liên quan về đời sống, nhu cầu của người di cư cũng như các vấn đề tiếp cận chính sách đã giúp cán bộ chính quyền, đoàn thể sở

tại địa phương có cái nhìn tích cực hơn đối với người dân di cư; hiểu hơn về các rào cản khiến họ ít tham gia các hoạt động đoàn thể tại địa phương. Nhóm LĐNDC cũng được chia sẻ về tầm quan trọng trong gắn kết với địa phương nơi mình di cư đến để được hỗ trợ tìm kiếm các cơ hội việc làm ổn định hơn, đảm bảo sự an toàn cho bản thân và gia đình trong cuộc sống hàng ngày cũng như những lúc khẩn cấp.

Thêm vào đó, Quyết định 112/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22 tháng 01 năm 2021 ban hành chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030 nhấn mạnh “Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công tác xã hội tại các ngành, các cấp, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng giai đoạn; đảm bảo nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ công tác xã hội trên các lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ công tác xã hội của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả”, trong đó có vai trò của các đoàn thể như Hội Liên hiệp phụ nữ.

#### **4.2.2. Các giải pháp cụ thể**

##### **4.2.2.1. Từ phía nhà nước, địa phương**

**Giải pháp thứ nhất: Thay đổi nhận thức về lao động nữ di cư**

- *Mục tiêu:* Giúp các bên liên quan và cộng đồng có nhìn nhận đúng đắn về vị trí, vai trò, sự đóng góp của LĐNDC để qua đó có sự trợ giúp LĐNDC tiếp cận các trợ giúp xã hội một cách hiệu quả.

- *Các hoạt động của giải pháp:*

Tuyên truyền tới cán bộ, các bên liên quan và cộng đồng hiểu rõ về vị trí, vai trò, sự đóng góp của LĐNDC đối với địa phương sở tại; các khó khăn, thách thức họ đối mặt và quyền được bình đẳng của LĐNDC để qua đó các bên liên quan có nhận thức đúng đắn về tính tất yếu và tích cực của LĐNDC.

**Giải pháp thứ hai: địa phương chủ động nắm bắt thông tin về người di cư qua chủ trọ, thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các đoàn thể và thông tin căn cước công dân, thay vì chỉ quản lý dựa trên đăng ký tạm trú.**

- *Mục tiêu:* Chính quyền, đoàn thể địa phương nắm được thông tin về người di cư một cách hiệu quả hơn.

- *Các hoạt động cụ thể của giải pháp:*

Nắm bắt thông tin về người di cư thông qua chủ nhà trọ.

Nắm bắt thông tin về người di cư thông qua mạng lưới xuống tận chi, tổ của Hội Phụ nữ cơ sở.

Nắm bắt thông tin của LĐNDC qua hệ thống thông tin, dữ liệu căn cước công dân trên cổng thông tin dữ liệu dân cư quốc gia.

Nếu như đối với công nhân lao động tại huyện Đông Anh, việc tiếp cận trợ giúp xã hội của LĐNDC có thể đến từ chủ doanh nghiệp, tổ chức công đoàn đại diện người lao động thì với những phụ nữ di cư làm các công việc tự do tại quận Hoàng Mai, ngoài các chương trình trợ giúp xã hội chung của chính quyền địa phương thì cần triển khai đa kênh như qua chủ nhà trọ, các tổ chức, đoàn thể... mới đảm bảo họ được nhận diện đầy đủ trong quá trình trợ giúp.

**Giải pháp thứ ba: tăng cường quan tâm trợ giúp việc học hành của con cái người di cư.**

- *Mục tiêu:* Giúp LĐNDC có con em di cư cùng trong độ tuổi đi học được tiếp cận một cách bình đẳng tới các trường công lập tại địa phương

- *Các hoạt động của giải pháp:*

Chính quyền địa phương chủ động tuyên truyền về các phương án tuyển sinh, thủ tục khi nhập học vào các trường công trên địa bàn thay vì giao trách nhiệm duy nhất cho nhà trường; xây dựng, phân bổ tiêu chí tuyển sinh theo hình thức cư trú của địa phương, từ đó trường học tuyển sinh cho tới đủ số lượng.

**Giải pháp thứ tư: nâng cao các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho LĐNDC tại địa phương phù hợp với đặc thù công việc và đời sống của họ.**

- *Mục tiêu:* Bảo vệ sức khỏe cho LĐNDC

- *Các hoạt động của giải pháp:* Kiến nghị sửa các quy định để đảm bảo sự liên thông trong sử dụng thẻ BHYT dành cho những người hay dịch chuyển như lao động di cư để đảm bảo người di cư vừa có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe công tại quê nhà (nơi có hộ khẩu thường trú) và cả nơi di cư đến (có đăng ký hoặc

không đăng ký tạm trú), đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giảm chi phí y tế từ tiền túi cá nhân.

6 tháng một lần ở cơ sở y tế tuyến địa phương tổ chức thăm khám tổng quát một lần cho LĐNDC với lịch khám phù hợp hơn.

Các tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, đoàn thanh niên cùng phối hợp tăng cường tuyên truyền công tác chăm sóc sức khỏe để người di cư nâng cao nhận thức và ý thức chăm sóc sức khỏe.

**Giải pháp thứ năm: chính quyền cung cấp thông tin về chính sách cư trú và trợ giúp xã hội cho LĐNDC đầy đủ.**

- *Mục tiêu của giải pháp:* Hỗ trợ để LĐNDC có thông tin đầy đủ về quyền tự do cư trú của công dân và các đối tượng được hưởng trợ giúp xã hội.

- *Các hoạt động của giải pháp:*

Tiến tới người dân có thể đăng ký tạm trú trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia, sẽ phù hợp hơn với đặc thù của LĐNDC.

**Giải pháp thứ sáu: tăng cường hỗ trợ LĐNDC về đào tạo nghề, việc làm.**

- *Mục tiêu giải pháp:* Giúp LĐNDC nâng cao trình độ, tay nghề để tăng khả năng tiếp cận các cơ hội việc làm tốt hơn, thu nhập cao hơn, tránh nguy cơ bị đào thải ra khỏi các dây chuyền sản xuất vì không đáp ứng được trình độ kỹ năng, tay nghề.

- *Các hoạt động của giải pháp:*

Cần triển khai các chương trình đào tạo nghề gắn liền với nhu cầu của LĐNDC và thị trường lao động.

Đa dạng hoá nguồn cung cấp các đào tạo, tập huấn, có thể đến từ các doanh nghiệp, chủ sử dụng lao động, các chương trình dạy nghề, đào tạo việc làm của ngành lao động, hay của các đoàn thể như Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, các tổ chức NGOs...

Xây dựng những chính sách dài hơi như hỗ trợ học phí, giảm giờ làm... để hỗ trợ LĐNDC tham gia các chương trình đào tạo nghề tại các trường cao đẳng, đại học. Chương trình học cần được gắn với nhu cầu thực tế của LĐNDC và thị trường lao động.

**Giải pháp thứ bảy: cải thiện chất lượng hoạt động các trung tâm giới thiệu việc làm, đẩy mạnh kết nối với các doanh nghiệp tại địa phương. Ngoài ra cần xây dựng thêm kênh tuyển dụng riêng dành cho địa phương, đặc biệt địa phương có khu công nghiệp.**

**Giải pháp thứ tám: nâng cao hiểu biết về quyền lợi theo Bộ luật Lao động cho LĐNDC trên các kênh truyền thông địa phương.**

Tuyên truyền, nâng cao hiểu biết về pháp luật lao động là cách hiệu quả giúp LĐNDC nắm được các quyền lợi mà mình có và hạn chế được những rủi ro công việc.

**Giải pháp thứ chín: trợ giúp phù hợp với đặc thù giới của LĐNDC.**

Quan tâm phát triển nhà trẻ, mẫu giáo, trường học giúp giải toả gánh nặng cho người lao động di cư, LĐNDC.

**Giải pháp thứ mười: giải pháp đặc thù đối với từng nhóm LĐNDC.**

Các hoạt động trợ giúp xã hội đối với nhóm công nhân thì cần triển khai thông qua tổ chức công đoàn, Ban nữ công trong các doanh nghiệp, nhà máy.

Các hoạt động trợ giúp xã hội đối với nhóm LĐNDC ở khu vực phi chính thức thì cần triển khai qua các đoàn thể như Hội Liên hiệp phụ nữ để có tính linh hoạt, phù hợp hơn với nhóm này.

#### **4.2.2.2. Từ phía lao động nữ di cư**

**Giải pháp thứ nhất:** Lao động nữ di cư cần chủ động tham gia vào các hoạt động tập thể chung tại địa phương.

**Giải pháp thứ hai:** Lao động nữ di cư cần tích cực tham gia vào các đoàn thể, hội nhóm địa phương để được bảo vệ và mở rộng mạng lưới xã hội.

#### **4.2.2.3. Phát triển các dịch vụ CTXH để hỗ trợ LĐNDC tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản**

- Truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về di cư, nhìn nhận di cư như một hiện tượng xã hội tích cực.

- Thúc đẩy chính quyền và các bên liên quan phát triển các nguồn lực, dịch vụ dành cho LĐNDC và gia đình có thể tiếp cận: Nhà ở xã hội, các dịch vụ giáo dục, y tế.

- Biện hộ quyền của LĐNDC trong tiếp cận nhà ở, việc làm, y tế, giáo dục, trợ giúp đột xuất.

- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe tâm thần, vốn đang thiếu vắng trong thực tế.

- Tổ chức các hoạt động can thiệp nhóm để tạo ra liên kết giữa nhóm di cư nói chung, LĐNDC nói riêng với cộng đồng địa phương.

- Xây dựng hồ sơ quản lý ca đối với các cá nhân, gia đình của LĐNDC có những vấn đề đặc thù.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Di cư nội địa là một hiện tượng tất yếu tại các quốc gia. Hiện nay dù nơi đến là đô thị hay nông thôn thì thu nhập là lý do chính để họ quyết định ở lại. Độ tuổi của LĐNDC tập trung chủ yếu ở nhóm tuổi từ 20-39 và hầu hết họ đã lập gia đình. Thông qua kết quả nghiên cứu, có thể thấy:

Về chân dung xã hội, LĐNDC chủ yếu là người trẻ, vì lý do tìm kiếm việc làm và nâng cao thu nhập. Hiện nay họ chủ yếu làm các công việc giản đơn, lao động tay chân và các công việc không đòi hỏi nhiều về trình độ đào tạo hoặc kỹ năng. Và hầu hết công việc là do bản thân họ tự tìm kiếm, chỉ có một phần nhỏ có người quen, hàng xóm, bạn bè giới thiệu. Với mức thu nhập cao hơn nông thôn và có nhiều cơ hội, LĐNDC mong muốn ổn định cuộc sống tại Hà Nội.

**- Thực trạng tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC tại thành phố Hà Nội hiện nay còn hạn chế:**

Đối với tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản, LĐNDC trong nghiên cứu có điều kiện nhà ở chưa được tốt; chi phí điện nước còn cao; việc học nghề của bản thân còn hạn chế; tiếp cận giáo dục của con cái còn chịu khó khăn khi xin học vào các trường công cấp phổ thông trung học. Các trợ giúp đột xuất thì khả năng tiếp cận của

LĐNDC hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào cách diễn giải chính sách và thực thi của cán bộ địa phương.

**- Còn nhiều rào cản trong tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản hiện nay của LĐNDC tại thành phố Hà Nội:**

Rào cản trong tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản của LĐNDC đến từ nhiều phía. Về phía chính quyền là tư duy của một số cán bộ coi di cư là tiêu cực, cách thức quản lý dựa trên hộ khẩu và chưa chú ý đúng mực đến LĐNDC nói riêng và người di cư nói chung. Về phía LĐNDC, rào cản đến từ trình độ xã hội hạn chế, ít gắn kết với địa phương và vốn xã hội nghèo nàn. Thêm vào đó là sự thiếu vắng của CTXH chuyên nghiệp, hoạt động của nhân viên CTXH và các cán bộ các tổ chức đoàn thể. Do đó, họ gặp khó khăn để tiếp cận thông tin, các dịch vụ xã hội cơ bản, các nguồn lực hỗ trợ từ phía chính quyền và cộng đồng. Trong số các rào cản nêu trên thì thái độ và nhận thức của một số cán bộ chính quyền, đoàn thể đối với người di cư tạo ra khó khăn đáng kể trong tiếp cận trợ giúp xã hội đối với LĐNDC tại Hà Nội.

**- Có sự khác biệt đáng kể giữa hai nhóm LĐNDC làm việc tại khu vực chính thức và phi chính thức:**

Kết quả nghiên cứu chỉ ra khác biệt giữa nhóm LĐNDC ở khu vực phi chính thức và khu vực chính thức. LĐNDC làm việc trong khu vực phi chính thức sẽ chịu nhiều rào cản hơn trong tiếp cận các trợ giúp xã hội cơ bản so với LĐNDC làm việc trong khu vực chính thức. LĐNDC ở khu vực phi chính thức có đời sống thấp hơn, tiếp cận trợ giúp xã hội nghèo nàn hơn, chịu nhiều rủi ro và ít khả năng ứng phó đối với các vấn đề xã hội như COVID-19. Nguyên nhân chính đến từ tính chất công việc và tính chất vốn xã hội của hai nhóm LĐNDC. Thêm vào đó là việc tham gia BHXH ở nhóm chính thức cao hơn chính là cơ sở bảo vệ họ tốt hơn trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, cần có các chương trình can thiệp đối với từng nhóm để phù hợp với vấn đề và nhu cầu đặc thù.

**- Rào cản tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản đối với LĐNDC tại thành phố Hà Nội đến từ chính quyền, cộng đồng và chính**



**bản thân LĐNDC.** Trong đó, thay đổi tư duy từ chính quyền về di cư và xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội thân thiện với LĐNDC nói riêng và người di cư nói chung được coi là then chốt để nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội dành cho đối tượng đặc thù này.

**- Vai trò của công tác xã hội:**

Công tác xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản cho LĐNDC tại thành phố Hà Nội vì các trợ giúp với tiếp cận của CTXH sẽ phù hợp nhất với đặc thù rất cần sự trợ giúp cụ thể và phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh của LĐNDC, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương tại nơi di cư, đặc biệt là trong các trường hợp đột xuất như đại dịch COVID-19 vừa qua. Nhưng thực tế hiện nay tại địa bàn nghiên cứu còn rất thiếu vắng sự trợ giúp dưới góc độ CTXH đối với LĐNDC.

Chính vì vậy, các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận trợ giúp xã hội cơ bản dành cho LĐNDC cần đến từ ba phía: Chính quyền, LĐNDC và các trung tâm CTXH và tổ chức đoàn thể. Trong đó, Hội LHPN các cấp có thể là đơn vị triển khai các chương trình hỗ trợ cụ thể để nâng cao trình độ, tiếp cận thông tin, phát triển mạng lưới của LĐNDC để hướng đến cuộc sống với chất lượng cao hơn.

**2. Khuyến nghị**

*Thứ nhất*, luồng di cư đến thành phố Hà Nội nói chung và các thành phố lớn khác ở nước nói riêng không còn đơn thuần là di cư nông thôn – đô thị, thay vào đó có thể là di cư từ nông thôn – nông thôn, nông thôn hay đô thị chỉ còn được xác định trên mặt thủ tục hành chính. Yếu tố khiến họ quyết định di cư là việc làm và thu nhập, vì thế chính quyền địa phương cần phải nắm bắt được và có những chính sách kịp thời để hỗ trợ họ hòa nhập môi trường mới nhanh chóng, nhất là địa phương có nhà máy, khu công nghiệp.

*Thứ hai*, người di cư nói chung và LĐNDC nói riêng đang gặp phải khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ xã hội, chính sách an sinh xã hội do những điều kiện hộ khẩu, đăng ký cư trú. Thế nên cần phải thay đổi điều kiện về hộ khẩu hay đăng ký cư trú như là một điều kiện bắt buộc để họ tiếp cận các hỗ trợ xã hội.

*Thứ ba*, cần tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng phạm vi bao phủ chương trình an sinh xã hội quốc gia tới mọi nhóm dân cư, đặc biệt là những LĐNDC. Trong đó cần chú ý tới chương trình khám chữa bệnh theo BHYT cùng tuyến nhưng cần phải mở rộng sang liên tỉnh để LĐNDC có thể tiếp cận được thuận tiện nhất.

*Thứ tư*, các hỗ trợ giáo dục cho LĐNDC cần được quan tâm hơn nữa. Chính quyền có thể phối hợp cùng các công ty tổ chức các khóa đào tạo dựa trên nhu cầu của LĐNDC. Ngoài ra, cần có chính sách phù hợp để con cái của những LĐNDC có thể tiếp cận, đặc biệt là khối THPT ở đô thị để có thể vào học thì cần có hộ khẩu tại nơi đến nên vô hình chung có nhiều con em của LĐNDC phải quay trở lại về quê học.

*Cuối cùng*, qua nghiên cứu LĐNDC tại thành phố Hà Nội cho thấy nhiều đặc thù giới như đặc điểm cá nhân, gia đình, xã hội... có tác động lớn và ảnh hưởng tới toàn bộ quá trình LĐNDC lao động và sinh sống ở nơi đến và nơi đi. Do vậy, khi thiết kế các trợ giúp xã hội dưới góc độ công tác xã hội và trong quá trình hoạch định chính sách thì yếu tố giới, đặc thù giới cần luôn luôn được cân nhắc, xem xét để đảm bảo các trợ giúp này cũng như các chính sách của nhà nước hướng tới đối tượng này là phù hợp với đặc thù giới của từng nhóm người di cư. Như vậy LĐNDC mới thụ hưởng được các trợ giúp xã hội và chính sách một cách tối đa.

Đối với LĐNDC ở khu vực phi chính thức, các khía cạnh như trợ giúp đột xuất, hỗ trợ kết nối cộng đồng, hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hỗ trợ con cái tiếp cận giáo dục bình đẳng là những khía cạnh quan trọng. Đối với LĐNDC làm công nhân, cần tăng cường đào tạo nghề, đào tạo lại để phòng ngừa nguy cơ bị sa thải sau tuổi 35; phát triển các mô hình hỗ trợ thông tin, học nghề và chuyển đổi sinh kế vì nhóm lao động trẻ còn nhiều cơ hội phát triển.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thanh Cẩm, “Employment Status of Migrant Women in Hanoi, Vietnam”, *International Journal of Advanced Research*, ISSN: 23205407, pp. 321-327.
2. Nguyễn Thanh Cẩm, “Current Situation of Migrant Female Workers’ Access to Education and Health Care in Hanoi”, *American Research Journal of Humanities & Social Science*, E-ISSN: 2378-702X, pp. 90-97.
3. Nguyễn Thanh Cẩm, “Barriers to accessing social assistance for female migrant workers in Hanoi”, *International Scientific Conference Proceedings: Social security policy for migrant workers in Vietnam*, Trade Union University, Vietnam General Confederation of Labour, ISBN: 978-604-330-767-2, pp. 83-94.
4. Nguyễn Thanh Cẩm, “Access to emergency assistance for migrant female workers in Hanoi during the COVID-19 pandemic”, *International Scientific Conference Proceedings: Developing Social Work with Workers in Vietnam – Pioneering in social welfare and employment policies*, Trade Union University, Vietnam General Confederation of labour, ISBN: 978-604-946-719-6, pp.137-146.